

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code : FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date :

17/09/2025

7. Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock	1,277,900,000	95.84%
1	ACB	2,100	4.16%
2	BID	100	0.32%
3	BVH	100	0.44%
4	CII	200	0.34%
5	CMG	100	0.31%
6	CTG	400	1.57%
7	DBC	100	0.22%
8	DCM	100	0.29%
9	DGC	100	0.75%
10	DGW	100	0.34%
11	DIG	300	0.55%
12	DPM	200	0.41%
13	DXG	400	0.71%
14	EIB	700	1.44%
15	EVF	300	0.30%
16	FPT	600	4.66%
17	FRT	100	1.02%
18	FTS	100	0.28%
19	GAS	100	0.47%
20	GEX	300	1.21%
21	GMD	200	1.11%

22	GVR	100	0.22%
23	HAG	300	0.36%
24	HCM	300	0.62%
25	HDB	1,200	2.82%
26	HDG	100	0.23%
27	HHV	200	0.23%
28	HPG	2,000	4.49%
29	HSG	200	0.30%
30	KBC	200	0.57%
31	KDC	100	0.40%
32	KDH	300	0.77%
33	LPB	1,300	4.38%
34	MBB	2,000	4.12%
35	MSB	900	0.94%
36	MSN	400	2.60%
37	MWG	500	3.01%
38	NAB	700	0.81%
39	NKG	200	0.29%
40	NLG	100	0.31%
41	OCB	300	0.30%
42	PAN	100	0.26%
43	PC1	100	0.20%
44	PDR	200	0.35%
45	PLX	100	0.27%
46	PNJ	100	0.67%
47	POW	300	0.35%
48	PVD	100	0.18%
49	PVT	100	0.14%
50	REE	100	0.50%
51	SAB	100	0.36%
52	SHB	1,600	2.18%
53	SSB	700	1.05%
54	SSI	700	2.18%
55	STB	900	3.79%
56	TCB	1,800	5.31%
57	TCH	300	0.49%
58	TPB	700	1.03%
59	VCB	400	1.97%
60	VCG	200	0.41%
61	VCI	200	0.66%
62	VHM	600	4.62%
63	VIB	800	1.26%
64	VIC	700	7.09%

102
C
HỘ
T
U
A
N
C
H
I
V

65	VIX	700	1.99%
66	VJC	100	1.06%
67	VND	500	0.90%
68	VNM	400	1.94%
69	VPB	2,100	4.99%
70	VRE	400	0.92%
II.	Tiền/Cash (VND)	55,537,116	4.16%
III.	Tổng/Total	1,333,437,116	100.00%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/
Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND)	1,277,900,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND)	1,333,437,116
Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND)	55,537,116

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	26,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	42,050	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	103,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	74,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	27,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	80,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	88,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	67,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	39,350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	19,650	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	31,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	24,100	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

13178
 NG TY
 NHH
 ANH
 QUÝ
 G KH
 P.A
 PHO

Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thúy Lan

